TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC A - QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 47/2026/QĐST-DS	*Quảng Ninh, ngày 03 tháng 9 năm 2026.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 288, 299; Điều 317; Điều 318; Điều 319; khoản 7 Điều 323, Điều 357; Điều 422, 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 101, 103 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 7, khoản 2 Điều 8, Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao "Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, lãi vi phạm"; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 26 tháng 8 năm 2026 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 163/2026/TLST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2026.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần ĐQ.

Địa chỉ trụ sở chính: số 16 Lê V L, phường Y, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: ông Lưu T Th - chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Công ty trách nhiệm hữu hạn Q - Ngân hàng thương mại cổ phần ĐQ; địa chỉ: số 175 G, phường D, Thành phố H; người đại diện theo pháp luật: ông Hà A D - chức vụ: Tổng Giám đốc; người đại diện theo ủy quyền lại: ông Q M Q - chức vụ: Giám đốc (theo Hợp đồng ủy quyền số 162/UQ.MB-MC ngày 21/02/2025 của Ngân hàng thương mại cổ phần ĐQ và Văn bản ủy quyền số 1844.1/UQ-MC ngày 21/02/2025 về việc ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án).

Người được ông Q M Q ủy quyền:

+ Ông Nguyễn V O - chuyên viên xử lý nợ; địa chỉ: Công ty trách nhiệm hữu

hạn Q, tầng 3 tòa nhà A, số 6, lô 0A Lê H P, phường G, thành phố H.

+ Ông Phạm V H - chuyên viên xử lý nợ; địa chỉ: số 158 Lê T T, phường H, tỉnh Q.

+ Ông Phạm T Đ - chuyên viên xử lý nợ; địa chỉ: số 158 Lê T T, phường H, tỉnh Q (theo văn bản ủy quyền số: 6273/UQ-MBAMC ngày 12/5/2026 của Công ty trách nhiệm hữu hạn Q - Ngân hàng thương mại cổ phần ĐQ).

- Bị đơn:

+ Bà Nguyễn T H, sinh năm 1991.

Địa chỉ: khu phố C, đặc khu T, thành phố Q.

+ Ông Nguyễn V D, sinh năm 1982.

Địa chỉ: khu phố C, đặc khu T, thành phố Q.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Chấm dứt hợp đồng cho vay số 154342.25.607.13388877.TD ngày 23/7/2025 ký giữa Ngân hàng thương mại cổ phần ĐQ và bà Nguyễn T H, ông Nguyễn V D.

2. 2. Về nghĩa vụ trả nợ:

Chậm nhất đến ngày 26/10/2026, ông Nguyễn V D và bà Nguyễn T H có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần ĐQ toàn bộ số tiền nợ theo Hợp đồng cho vay số 154342.25.607.13388877.TD ngày 23/7/2025, tính đến ngày 26/8/2026 là: 2.055.148.475 đồng (hai tỷ không trăm năm mươi lăm triệu một trăm bốn mươi tám nghìn bốn trăm bảy mươi lăm đồng), trong đó: nợ gốc là 1.975.000.000 đồng, lãi trong hạn là 78.290.410 đồng và lãi quá hạn là 1.858.065 đồng.

Kể từ ngày 27/8/2026 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ, bà Nguyễn T H và ông Nguyễn V D còn phải liên đới chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số 154342.25.607.13388877.TD ngày 23/7/2025 đã ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần ĐQ và bà Nguyễn T H, ông Nguyễn V D.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thương mại cổ phần ĐQ cho vay thì lãi suất mà bà Nguyễn T H và ông Nguyễn V D phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần ĐQ theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng thương mại cổ phần ĐQ cho vay.

Kể từ ngày 27/10/2026, bà Nguyễn T H và ông Nguyễn V D không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng thương mại cổ phần ĐQ được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là: quyền sử dụng 334,3 m² đất, loại đất ở 297,24m^2; đất trồng cây lâu năm 37,06m^2 (được giới hạn bởi các điểm 1, 2, 3, 4, 1 theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 24/8/2026 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai số 12 đo đạc) và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 196, tờ bản đồ số: 119 (tờ 52 cũ), địa chỉ: khu 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Q (nay là khu phố C, đặc khu T, thành phố Q) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số seri CQ 542167, số vào sổ cấp GCN: CH 00716 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Q (nay là Ủy ban nhân dân đặc khu T, thành phố Q) cấp ngày 30/12/2020 cho ông Nguyễn

V S và bà Phạm T Đ; cập nhật ngày 29/7/2021 chuyển nhượng cho ông Nguyễn V D và bà Nguyễn T H (chi tiết theo Hợp đồng thế chấp số 154341.21.607.13388877.BD ngày 25/8/2021).

Trường hợp số tiền xử lý tài sản không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ thì bà Nguyễn T H và ông Nguyễn V D vẫn phải tiếp tục liên đới trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần ĐQ đến khi các khoản nợ được tất toán.

2.3. Về chi phí tố tụng: bà Nguyễn T H và ông Nguyễn V D phải liên đới chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 6.500.000 đồng, Ngân hàng thương mại cổ phần ĐQ đã nộp đủ tiền tạm ứng chi phí trên. Bà Nguyễn T H và ông Nguyễn V D phải liên đới hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần ĐQ số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 6.500.000 đồng (sáu triệu năm trăm nghìn đồng) và không phải chịu khoản tiền lãi của số tiền trên do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

2.4. Về án phí: bà Nguyễn T H và ông Nguyễn V D liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 36.551.485 đồng (ba mươi sáu triệu năm trăm năm mươi mốt nghìn bốn trăm tám mươi lăm đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có các quyền, nghĩa vụ theo Điều 6 và Điều 7; quyền yêu cầu thi hành án và thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 34; việc tự nguyện, thỏa thuận thi hành án được thực hiện theo Điều 36. Người phải thi hành án có điều kiện mà không tự nguyện thi hành án thì bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 72 và các quy định có liên quan của Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND thành phố Quảng Ninh;
- VKSND khu vực A - Quảng Ninh;
- THADS thành phố Quảng Ninh;
- Lưu: Hồ sơ - Văn phòng.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Lưu Minh Đoàn